

ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG TÂN TRIỀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1064/QĐ-UBND

Tân Triều, ngày 30 tháng 09 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán kinh phí thực hiện tặng quà người dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 theo Nghị quyết số 263/NQ-CP ngày 29/8/2025 của Chính phủ năm 2025 trên địa bàn Phường Tân Triều.

### ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN TRIỀU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH 15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước được Quốc hội thông qua số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015 được sửa đổi bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 30/8/2025 của Hội đồng nhân dân phường Tân Triều về việc bổ sung dự toán kinh phí thực hiện tặng quà người dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 theo Nghị quyết số 263/NQ-CP ngày 29/8/2025 của Chính phủ năm 2025 trên địa bàn Phường Tân Triều;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình 404/TTr-KT ngày 30 tháng 9 năm 2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai bổ sung dự toán kinh phí thực hiện tặng quà người dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 theo Nghị quyết số 263/NQ-CP ngày 29/8/2025 của Chính phủ năm 2025 trên địa bàn Phường Tân Triều.

(Theo các biểu kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị, Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành, đơn vị sự nghiệp và các

cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. 

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính;
- Đảng ủy phường;
- HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Chánh, Phó CVP HĐND&UBND phường;
- Các Trưởng khu phố trong phường;
- Lưu: VT, (Hành)



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Nguyễn Song Toàn**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG TÂN TRIỀU

Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN BỔ SUNG NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Đính kèm Quyết định số 1064/QĐ. UBND ngày 30 tháng 09 năm 2025 của UBND phường Tân Triều)

Đơn vị: đồng

| NỘI DUNG THU                                          | DỰ TOÁN       | NỘI DUNG CHI                   | DỰ TOÁN       |
|-------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|---------------|
| TỔNG SỐ THU                                           | 9.992.300.000 | TỔNG SỐ CHI                    | 9.992.300.000 |
| I. Các khoản thu xã hưởng 100%                        |               | I. Chi đầu tư phát triển       |               |
| II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ <sup>(1)</sup> |               | II. Chi thường xuyên           | 9.992.300.000 |
| III. Thu bổ sung                                      | 9.992.300.000 | III. Dự phòng                  |               |
| - Bổ sung cân đối                                     |               | IV. Chi nộp ngân sách cấp trên |               |
| - Bổ sung có mục tiêu                                 | 9.992.300.000 |                                |               |
| IV. Thu chuyển nguồn                                  | -             |                                |               |
| V. Thu từ nguồn CCTL                                  | -             |                                |               |
| VI. Thu kết dư                                        | -             |                                |               |
| VII. Thu từ nguồn XHH                                 |               |                                |               |

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG TÂN TRIỀU**

**Biểu số 109/CK TC-NSNN**

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025**

(Đính kèm Quyết định số 1064/QĐ.UBND ngày 30 tháng 09 năm 2025 của UBND phường Tân Triều)

Đơn vị: đồng

| STT        | NỘI DUNG                                                     | DỰ TOÁN NĂM 2025     |                      |
|------------|--------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|            |                                                              | THU NSNN             | THU NSX              |
| A          | B                                                            | 1                    | 2                    |
|            | <b>TỔNG THU</b>                                              | <b>9.992.300.000</b> | <b>9.992.300.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Các khoản thu 100%</b>                                    | -                    | -                    |
| 1          | Thu phí lệ phí                                               | -                    | -                    |
| 2          | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp - nông nghiệp               | -                    | -                    |
| 3          | Thu khác ngân sách                                           | -                    | -                    |
| <b>II</b>  | <b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>      | -                    | -                    |
| 1          | Thu công thương nghiệp ngoài quốc doanh                      | -                    | -                    |
|            | - Thuế giá trị gia tăng                                      | -                    | -                    |
|            | - Thuế tiêu thụ đặc biệt                                     | -                    | -                    |
|            | - Thuế thu nhập doanh nghiệp                                 |                      |                      |
|            | - Thuế tài nguyên                                            |                      |                      |
| 2          | Thuế thu nhập cá nhân                                        | -                    |                      |
| 3          | Lệ phí trước bạ                                              | -                    | -                    |
|            | - Lệ phí trước bạ nhà đất                                    | -                    | -                    |
|            | - Lệ phí trước bạ khác                                       |                      |                      |
| <b>III</b> | <b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b> | -                    |                      |
| <b>IV</b>  | <b>Thu chuyển nguồn</b>                                      | -                    | -                    |
| <b>V</b>   | <b>Thu từ nguồn CCTL</b>                                     | -                    | -                    |
| <b>VI</b>  | <b>Thu kết dư ngân sách</b>                                  | -                    | -                    |

| STT  | NỘI DUNG                          | DỰ TOÁN NĂM 2025 |               |
|------|-----------------------------------|------------------|---------------|
|      |                                   | THU NSNN         | THU NSX       |
| A    | B                                 | 1                | 2             |
| VII  | Thu từ nguồn XHH                  | -                | -             |
| VIII | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | 9.992.300.000    | 9.992.300.000 |
|      | - Thu bổ sung cân đối             |                  | -             |
|      | - Thu bổ sung có mục tiêu         | 9.992.300.000    | 9.992.300.000 |

ỦY BAN NHÂN DÂN

PHƯỜNG TÂN TRIỀU

Biểu số 110/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Đính kèm Quyết định số 1064/QĐ.UBND ngày 30 tháng 09 năm 2025 của UBND phường Tân Triều)

Đơn vị: đồng

| STT | NỘI DUNG                                                   | DỰ TOÁN NĂM 2025 |                   |               |
|-----|------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|---------------|
|     |                                                            | TỔNG SỐ          | ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | THƯỜNG XUYỀN  |
| A   | B                                                          | 1=2+3            | 2                 | 3             |
|     | TỔNG CHI                                                   | 9.992.300.000    | -                 | 9.992.300.000 |
|     | Trong đó                                                   |                  |                   |               |
| 1   | Chi giáo dục                                               | -                |                   |               |
| 2   | Chi quốc phòng                                             | -                |                   |               |
| 3   | Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội                      | -                |                   |               |
| 4   | Chi văn hóa, thông tin                                     | -                |                   |               |
| 5   | Chi phát thanh, truyền thanh                               | -                |                   |               |
| 6   | Chi thể dục thể thao                                       | -                |                   |               |
| 7   | Chi bảo vệ môi trường                                      | -                |                   |               |
| 8   | Chi khoa học công nghệ                                     | -                |                   |               |
| 9   | Chi y tế, dân số                                           |                  |                   |               |
| 10  | Chi các hoạt động kinh tế                                  | -                |                   |               |
| 11  | Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể | -                |                   |               |
| 12  | Chi đảm bảo xã hội                                         | 9.992.300.000    |                   | 9.992.300.000 |
| 13  | Chi khác                                                   | -                |                   |               |
| 14  | Dự phòng ngân sách                                         | -                |                   |               |
| 15  | Chi nộp ngân sách cấp trên                                 | -                |                   |               |

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025**

(Đính kèm Quyết định số 1064/QĐ.UBND ngày 30 tháng 09 năm 2025 của UBND phường Tân Triều)

Đơn vị: đồng

| Tên công trình                 | Thời gian<br>khởi công -<br>hoàn thành | Tổng dự toán được duyệt |                                       | Giá trị thực<br>hiện đến<br>31/12... | Giá trị đã<br>thanh toán<br>đến<br>31/12/... | Dự toán năm... |                                                   |                                                                          |
|--------------------------------|----------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
|                                |                                        | Tổng số                 | Trong đó<br>nguồn đóng<br>góp của dân |                                      |                                              | Tổng số        | Trong đó<br>thanh toán<br>khối lượng<br>năm trước | Chia theo nguồn vốn<br>Nguồn cân đối<br>ngân sách      Nguồn đóng<br>góp |
| <b>TỔNG SỐ</b>                 |                                        |                         |                                       |                                      |                                              |                |                                                   |                                                                          |
| 1. Công trình chuyển tiếp      |                                        |                         |                                       |                                      |                                              |                |                                                   |                                                                          |
| -                              |                                        |                         |                                       |                                      |                                              |                |                                                   |                                                                          |
| -                              |                                        |                         |                                       |                                      |                                              |                |                                                   |                                                                          |
| Trong đó: hoàn thành trong năm |                                        |                         |                                       |                                      |                                              |                |                                                   |                                                                          |
| -                              |                                        |                         |                                       |                                      |                                              |                |                                                   |                                                                          |
| -                              |                                        |                         |                                       |                                      |                                              |                |                                                   |                                                                          |
| 2. Công trình khởi công mới    |                                        |                         |                                       |                                      |                                              |                |                                                   |                                                                          |
| -                              |                                        |                         |                                       |                                      |                                              |                |                                                   |                                                                          |
| -                              |                                        |                         |                                       |                                      |                                              |                |                                                   |                                                                          |
| Trong đó: hoàn thành trong năm |                                        |                         |                                       |                                      |                                              |                |                                                   |                                                                          |
| -                              |                                        |                         |                                       |                                      |                                              |                |                                                   |                                                                          |
| -                              |                                        |                         |                                       |                                      |                                              |                |                                                   |                                                                          |

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG TÂN TRIỀU

Biểu số 112/CK TC-NSNN

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2025  
(Đính kèm Quyết định số 1064/QĐ.UBND ngày 30 tháng 09 năm 2025 của UBND phường Tân Triều)

Đơn vị: đồng

| NỘI DUNG                                      | ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025 |     |                       | KẾ HOẠCH NĂM 2026 |     |                       |
|-----------------------------------------------|------------------------|-----|-----------------------|-------------------|-----|-----------------------|
|                                               | THU                    | CHI | CHÉNH LỆCH<br>(+) (-) | THU               | CHI | CHÉNH LỆCH<br>(+) (-) |
| TỔNG SỐ                                       |                        |     |                       |                   |     |                       |
| 1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách |                        |     |                       |                   |     |                       |
| -                                             |                        |     |                       |                   |     |                       |
| -                                             |                        |     |                       |                   |     |                       |
| -                                             |                        |     |                       |                   |     |                       |
| - ...                                         |                        |     |                       |                   |     |                       |
| 2. Các hoạt động sự nghiệp                    |                        |     |                       |                   |     |                       |
| + Chợ                                         |                        |     |                       |                   |     |                       |
| + Bến bãi                                     |                        |     |                       |                   |     |                       |
| +                                             |                        |     |                       |                   |     |                       |
| + ...                                         |                        |     |                       |                   |     |                       |
| ...                                           |                        |     |                       |                   |     |                       |

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi  
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi